

Số: *21* /QĐ-UBND

Sông Công, ngày *09* tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách  
phường Sông Công quý IV năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG SÔNG CÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch - tài chính ngân sách 03 năm 2025-2027;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND phường Sông Công về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Sông Công năm 2025;*

*Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách phường Sông Công quý IV năm 2025 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND phường, thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính Thái Nguyên;
- TT Đảng ủy - Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể TP phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VP, KTHT&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
  
*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Trung Hoà

## THUYẾT MINH

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi Ngân sách Nhà nước phường Sông Công Quý IV năm 2025

#### 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết HĐND phường về nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2025

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch - tài chính ngân sách 03 năm 2025-2027.

Ngay sau khi có Nghị quyết HĐND tỉnh, UBND phường đã ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc giao giao dự toán ngân sách nhà nước phường Sông Công năm 2025, Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Sông Công năm 2025.

#### 2. Nguyên tắc xây dựng dự toán

- Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT, chi thường xuyên ngân sách nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch, tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung chi đầu tư phát triển; đảm bảo các chế độ, chính sách an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trật tự an toàn xã hội.

#### 3. Đánh giá kết quả thực hiện thu chi NSNN Quý IV năm 2025

##### 3.1. Dự toán thu ngân sách nhà nước

Ngay sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND phường đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn; chủ động rà soát các nguồn thu, xây dựng kế hoạch thu chi tiết theo từng sắc thuế.

Trong thời gian qua, mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ; việc thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đã tác động không nhỏ đến kế hoạch thu ngân sách các tháng đầu năm năm 2025. Tuy nhiên, với sự quan tâm, tạo điều kiện của tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, HĐND-UBND phường; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị và sự đồng thuận của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn, phường đã nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch thu ngân sách, bảo đảm nguồn lực tài chính phục vụ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

\* Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 của phường là: 299.771 triệu đồng, thu NSNN trên địa bàn quý IV đạt: 131.821 triệu đồng. Trong đó:

- + Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 217 triệu đồng.
- + Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh đạt: 18.121 triệu đồng.
- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt: 675 triệu đồng.
- + Thuế thu nhập cá nhân đạt: 2.741 triệu đồng.
- + Lệ phí trước bạ đạt: 5.090 triệu đồng.
- + Thu phí, lệ phí đạt: 135 triệu đồng.
- + Thu tiền sử dụng đất đạt: 81.933 triệu đồng.
- + Tiền cho thuê đất, mặt nước đạt: 21.939 triệu đồng.
- + Thu khác ngân sách đạt: 970 triệu đồng.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

### **3.2 Chi ngân sách nhà nước**

Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của phường: 603.647 triệu đồng. Kết quả thực hiện chi NSNN Quý IV đạt: 489.459 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt: 264.722 triệu đồng.
- Chi thường xuyên đạt: 224.737 triệu đồng.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Nhìn chung chi ngân sách phường quý IV cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước trên địa bàn, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chính sách khác theo quy định. Kết quả các đơn vị trên địa bàn phường đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, quản lý, điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, cắt giảm nhưng nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách.

Đối với chi đầu tư phát triển (chi đầu tư xây dựng cơ bản): thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tuy nhiên do tiến độ triển khai dự án chậm, vướng mắc về thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư, bồi thường GPMB,...

Đối với chi thường xuyên: chi thường xuyên được điều hành thực hiện theo dự toán được giao, cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước trên địa bàn, thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội, các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chính sách khác theo quy định hiện hành.

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>603.647</b>	<b>481.884</b>	<b>80</b>
1	Các khoản thu phường hưởng 100%			
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ			
3	Thu bổ sung	396.230	274.467	69
	- Bổ sung cân đối	24.774	10.399	42
	- Bổ sung có mục tiêu	371.456	264.068	71
4	Thu chuyển nguồn	115.804	115.804	100
5	Thu kết dư ngân sách	91.613	91.613	100
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>603.647</b>	<b>489.459</b>	<b>81</b>
1	Chi đầu tư phát triển	169.984	62.414	37
2	Chi thường xuyên	218.993	212.723	97
3	Dự phòng	6.253	6.253	100
4	Chi đảm bảo ATGT	192	192	100
5	Chi thực hiện CTMTQG (nguồn NSTW)	808	460	57
6	Chi từ nguồn chuyển nguồn	115.804	115.804	100
7	Chi từ nguồn kết dư	91.613	91.613	100

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 20 /QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>903.418</b>	<b>603.647</b>	<b>613.705</b>	<b>481.884</b>	<b>68</b>	<b>80</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>1.070</b>	<b>-</b>	<b>675</b>	<b>-</b>	<b>63</b>	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.070		675		63	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			-			
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác						
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>298.701</b>	<b>-</b>	<b>131.146</b>	<b>-</b>	<b>44</b>	
<b>1</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>11.148</b>	<b>-</b>	<b>5.225</b>	<b>-</b>	<b>47</b>	
	- Phí, lệ phí	2.768		135		5	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu từ hộ gia đình			-			
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			-			
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	8.380		5.090		61	
<b>2</b>	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>287.553</b>	<b>-</b>	<b>125.921</b>	<b>-</b>	<b>44</b>	
	Thu DNNN địa phương quản lý	790		217		27	
	Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài	1.000		-		-	
	Thu ngoài quốc doanh	32.900		18.121		55	
	Thuế thu nhập cá nhân	7.225		2.741		38	
	Thu tiền sử dụng đất	203.121		81.933		40	
	Thu tiền thuê đất	33.445		21.939		66	
	Thu khác ngân sách	9.072		970		11	

	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	115.804	115.804	115.804	115.804	100	100
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	91.613	91.613	91.613	91.613	100	100
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	396.230	396.230	274.467	274.467	69	69
	- Bổ sung cân đối	24.774	24.774	10.399	10.399	42	42
	- Bổ sung có mục tiêu	371.456	371.456	264.068	264.068	71	71

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 20 /QĐ-UBND ngày 09 /11/2025 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>603.647</b>	<b>372.291</b>	<b>231.355</b>	<b>489.459</b>	<b>264.722</b>	<b>224.737</b>	<b>81</b>	<b>71</b>	<b>97</b>
	<b>Trong đó:</b>									
1	Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	70.048	800	69.248	26.440	800	25.640	38	100	37
2	Chi sự nghiệp kinh tế	376.665	358.066	18.599	280.139	254.801	25.338	74	71	136
3	Chi sự nghiệp môi trường	8.231		8.231	7.978	-	7.978	97		97
4	Chi sự nghiệp Văn hóa	6.873		6.873	8.646	-	8.646	126		126
5	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	2.432		2.432	3.627	-	3.627	149		149
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	4.668	2.883	1.785	2.367	-	2.367	51	0	133
7	Chi quản lý hành chính	84.814	10.543	74.271	119.122	9.121	110.001	140	87	148
8	Chi đảm bảo xã hội	21.363		21.363	14.641	-	14.641	69		69
9	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-		-	-	-	-			
10	Chi công tác an ninh, trật tự	3.868		3.868	2.560	-	2.560	66		66
11	Chi công tác quốc phòng	8.108		8.108	6.789	-	6.789	84		84
11	Chi y tế, dân số và gia đình	2.426		2.426	1.699	-	1.699	70		70
12	Chi khác ngân sách	1.527		1.527	2.826	-	2.826	185		185

13	Chi dự phòng ngân sách	7.557		7.557	7.557	-	7.557	100		100
14	10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ	5.068		5.068	5.068	-	5.068	100		100